

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-PT

Ngày 25-11-2021

V/v “T/c ly hôn, T/c chia tài sản khi
ly hôn và yêu cầu hủy GCNQSS đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Ông Lê Quang Ninh

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Lực - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Lua - Kiểm sát viên. Dự khuyết: Bà Nguyễn Thị Nga.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2021/HNGĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông Dương Đình T, sinh năm 1940. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 02, xã L T, huyện L, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Tổ 1, ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Dương V T Văn phòng Luật sư D- Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; địa chỉ: Đường Nguyễn H, tổ 3, khu phố 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

+ *Bị đơn:* Bà Hồ Thị L, sinh năm 1952; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 02, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Tổ 1, ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà L:* Ông Lê Anh M, sinh năm 1969; địa chỉ: Lê Văn L, xã P, huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Huỳnh V N, phường 15, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Kim L, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ 2, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

2. Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt).

3. Ông Dương Đình N, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông Đ và ông N:* Ông Lê Anh M, sinh năm 1969; địa chỉ: Lê Văn L, xã P, huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Huỳnh V N, phường 15, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

4. Bà Dương Hồng T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

5. Bà Trần Thị T, sinh năm 1951; nơi đăng ký thường trú: Phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú tại: Tổ 21, khu phố Hưng P, phường Phước T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

6. Ủy ban nhân dân huyện L; địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Th – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Đình T bày:***

Năm 1980 tôi và bà Hồ Thị L chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi sống chung với bà L, tôi biết bà L có người chồng tên Thông, còn giữa bà L và ông Th có đăng ký kết hôn với nhau hay không và đã ly hôn với nhau hay không thì tôi không biết. Trong quá trình chung sống đến tháng 02/2017 thì giữa tôi và bà L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với bà Hồ Thị L.

Về tài sản chung: Tôi yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ thửa đất có diện tích 8.912m² tọa lạc tại ấp B (nay là ấp A), xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09/QSĐĐ/137/QĐUB ngày 04/4/2001 mang tên hộ ông Dương Đình T). Đất hiện nay có vị trí, số liệu và hình thể như mảnh trích đo địa chính số 107 ngày 22/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

Nguồn gốc đất trên là do hai vợ chồng mua lại của vợ chồng bà Điều K vào năm 1990. Các tài sản trên đất hiện nay gồm: Cây cao su, cây điều, cây xà

cừ, là do tôi tạo lập vào năm 2013; hàng rào do tôi tạo lập từ khoảng thời gian năm 2013 cho đến năm 2017; nhà ở và các công trình phụ gồm: Bồn nước, chân bồn nước và giếng khoan là do bà L tạo lập năm 2017.

Nay Tôi yêu cầu chia các tài sản trên theo quy định của pháp luật.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/02/2020, bị đơn bà Hồ Thị L trình bày:**

Tôi và ông Dương Đình T sống chung năm 1977, không có đăng ký kết hôn. Giữa tôi và ông T không có mâu thuẫn gì, ông T hay bỏ nhà đi một thời gian rồi lại về. Hiện nay tôi biết trước khi ông T về sống chung với tôi thì đã kết hôn với người phụ nữ khác, người phụ nữ này vẫn còn đang sống tại tỉnh Đồng Nai. Hiện nay ông T yêu cầu ly hôn thì tôi không có ý kiến gì vì tôi và ông T thực tế không có đăng ký kết hôn và người phụ nữ ông T kết hôn trước hiện nay vẫn còn đang sống nên ông T muốn ly hôn thì ly hôn với người phụ nữ kia.

Về tài sản chung: Tôi và ông T có duy nhất 01 tài sản chung là diện tích 8.792m² đất tại B, huyện L, tỉnh Bình Phước. Đất này do các thành viên trong gia đình tạo lập và đóng góp công sức gồm: Trần Kim L, Trần Quốc Đ, Dương Đình N, Dương Hồng T, ông T và tôi. Tôi đồng ý để lại ½ diện tích đất cho ông T và các con ông T là Dương Đình N, Dương Hồng T đồng sở hữu, sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn ½ diện tích đất để lại cho Tôi và các con Trần Kim L, Trần Quốc Đ đồng sở hữu và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo đơn yêu cầu phản tố đề ngày 03/6/2020 của bà Hồ Thị L trình bày: Năm 1971, tôi kết hôn với ông Trần Đình Th và có 02 người con chung là Trần Kim L và Trần Quốc Đ. Đến năm 1979 tôi và ông Th sống ly thân. Năm 2018 ông Th mất. Năm 1981, tôi và ông T sống chung với nhau có 02 người con chung tên Dương Đình N và Dương Hồng T.

Đối với tài sản là thửa đất tại ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, đây là thửa đất tôi mua vào năm 1980, trong quá trình sử dụng tôi và con tên Trần Quốc Đ khai hoang thêm và hiến một phần đất cho Nhà nước nên hiện trạng còn lại là 8.792m². Năm 2001, Nhà nước cho tôi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do tôi bị bệnh nặng nên tôi nhờ ông T làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của tôi. Sau khi được cấp giấy chứng nhận, ông T lấy lý do phải điều chỉnh lại diện tích, không giao giấy chứng nhận cho tôi. Đến ngày 09/5/2020, con gái tên Trần Kim L được Tòa án cho chụp hồ sơ vụ kiện, tôi mới biết ông T đã làm thủ tục đứng tên ông T là chủ hộ sử dụng đất mà không có sự đồng ý của tôi.

Như vậy, giữa tôi và ông T không có quan hệ hôn nhân, tài sản nhà, đất tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước là do gia đình tôi gây dựng. Do đó, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T không đủ tư cách là người có quyền sử dụng đối với thửa đất này. Nay tôi yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và ông Dương Đình T.

- Yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 8.972m² tọa lạc tại ấp B (nay là ấp A), xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước thành 05 phần, cụ thể: Chia cho tôi (Hò Thị L), bà Trần Kim L, ông Trần Quốc Đ, ông Dương Đình N và bà Dương Hồng T, mỗi người được một phần đất diện tích 1.758,4m².

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 09/QSDD/137/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/4/2001.

***. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Trần Kim L, ông Trần Quốc Đ, ông Dương Đình N) ông Lê Anh M trình bày:**

Thông nhất với lời trình bày của bà Hò Thị L như đơn yêu cầu phản tố và bổ sung như sau:

- Đề nghị Tòa án không chấp nhận lời khai của bị đơn – bà Hò Thị L tại biên bản lấy lời khai ngày 12/02/2020 và biên bản lấy lời khai người làm chứng của ông Điều Luých tại biên bản lấy lời khai ngày 14/01/2021 vì trình tự lấy lời khai trên là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tài sản: Giữa ông T và bà L không tồn tại hôn nhân hợp pháp, quyền sử dụng đất là do một mình bà L mua và cùng với ông Hồ Trọng Trung, ông Đ khai phá thêm, còn các tài sản trên đất hiện nay là do bà L tạo lập và có công sức đóng góp của bà L và ông Đ. Đồng thời khẳng định tất cả các tài sản trên là tài sản của bà L, công sức đóng góp của bà L và ông Đ cũng thông nhất góp vào tài sản riêng của bà L. Vì vậy, nay bà L yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất diện tích hiện nay 8.972m² tọa lạc tại ấp B (nay là ấp A), xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất. Đất hiện nay có vị trí, số liệu và hình thể như mảnh trích đo địa chính số 139 ngày 25/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Cụ thể yêu cầu chia thành 05 phần cho: Bà Hò Thị L thừa đất số 225, bà Trần Kim L thừa đất số 226, ông Trần Quốc Đ thừa đất số 227, ông Dương Đình N thừa đất số 228 và bà Dương Hồng T thừa đất số 229.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09/QSDD/137/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/4/2001 cho hộ ông Dương Đình T.

***. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện L N trình bày:** Ngày 04/4/2001, Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09/QSDD/137/QĐ-UB cho hộ ông Dương Đình T, thừa đất số DĐT, diện tích 8.792m², tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước là đúng quy định Luật đất đai. Nay các bên tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện L yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

***. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày:** Vào năm 1970, Tôi có sống chung với ông Dương Đình T nhưng đến năm 1972 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Giữa tôi và ông T chưa ly hôn. Nay ông T yêu cầu ly hôn, yêu cầu chia tài sản và bà Hò Thị L có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, yêu cầu chia tài sản thì tôi

không có ý kiến gì (có đơn yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án xét xử).

***. Tại bản tự khai ngày 14/01/2021, Người làm chứng – Ông Điều**
Lých trình bày: Tôi biết ông Điều K và bà Thị S, vì ông K và ở cùng ấp với tôi, đồng thời trước đây tôi là trưởng ấp B (sau này là ấp A). tôi nghỉ làm trưởng ấp cách đây khoảng 01 năm. Nguồn gốc đất (trên đất là vườn cao su) tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện L mà Tòa án xem xét thẩm định và định giá tài sản, trước đây gồm phần đất của ông Điều L và phần đất của bà Thị U, ông Điều L và bà Thị U bán lại cho ông Điều K và bà Thị S. Sau này thì tôi nghe nói bà Thị S và ông Điều K bán lại cho vợ chồng ông T, bà L. Tại thời điểm ông K và bà S chuyển nhượng thì tôi không biết nên tôi không biết ông T hay bà L ai là người đứng ra giao dịch, đồng thời việc thỏa thuận như thế nào thì tôi không biết. Sau này thì tôi nghe nói là bán cho vợ chồng ông T, bà L.

***. Tại bản tự khai ngày 14/01/2021, Người làm chứng – Ông Điều K**
trình bày: Tôi biết bà L từ năm 1970 vì trước đây bà L ở gần nhà (nhà ở làng 7 nay là ấp T). Đến khoảng năm 1993 hay năm 1994 tôi mới biết ông T do thấy ông T vào canh tác trên mảnh đất tọa lạc tại ấp B (nay là ấp A) mà vợ chồng tôi trước đó đã bán cho bà L vào năm 1980. Khi bán đất cho bà L thì không có ông T đi cùng, chỉ có một mình bà L đứng ra mua bán với vợ chồng tôi. Diện tích đất vợ chồng tôi bán cho bà L khoảng 05 sào, vợ chồng tôi bán với giá 03 chỉ vàng. Nguồn gốc đất đã bán cho bà L là do vợ chồng tôi khai hoang.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, 228; Điều 147; Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 5, 8, 16 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 216, 224 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Các Điều 209, 219 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Luật đất đai năm 1993.

- Mục I Phần 1 Thông tư số 346/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Dương Đình T và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hồ Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Dương Đình T và bà Hồ Thị L.

Về tài sản chung:

- Ông Dương Đình T được quyền sử dụng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 224 diện tích 4.456m² tọa lạc tại ấp B (nay là ấp A), xã L, huyện L, tỉnh

Bình Phước (Đất có vị trí, hình thể và số liệu như mảnh trích đo địa chính số 138 ngày 25/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L) và sở hữu các tài sản trên thửa đất gồm: 283 cây cao su; 80,76m² hàng rào kẽm gai (dài 80,76m, cao 01 m); 02 cây điều; 05 cây xà cừ; 06 cây xoài; 07 cây dừa.

Ông Dương Đình T được quyền sở hữu 31 cọc gỗ có trên thửa đất trên (thửa đất số 224) tính từ phía đường nhựa đi vào.

- Bà Hồ Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 223 diện tích 4.456m² tọa lạc tại ấp B (Nay là ấp A), xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Đất có vị trí, hình thể và số liệu như mảnh trích đo địa chính) và sở hữu các tài sản trên đất gồm: 277 cây cao su; 82,6m² hàng rào kẽm gai (dài 82,6m, cao 01m; 05 cây điều; 14 cây xà cừ; 03 cây mai; 02 cây xoài; 10 cây dừa; 01 căn nhà loại 8 + 01 nhà tắm riêng + 01 sân bê tông + 01 sân lát gạch tàu + 01 bồn nước có chân sắt + 01 mái hiên tiền chế khung thép; 01 giếng khoan.

Bà Hồ Thị L được quyền sở hữu 31 cọc gỗ có trên thửa đất trên (thửa đất số 224) tính từ phía đường bê tông đi vào. Bà Hồ Thị L có trách nhiệm di dời các cọc gỗ này ra khỏi thửa đất số 224.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hồ Thị L về yêu cầu chia toàn bộ thửa đất thành 05 phần theo như mảnh trích đo chính lý số 139 ngày 25/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3/ Về nghĩa vụ hoàn trả: Bà Hồ Thị L phải hoàn trả cho ông Dương Đình T số tiền 1.048.967 đồng (Một triệu, không trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi bảy đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, bị đơn bà Hồ Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim L kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước theo hướng yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Ngày 20 tháng 3 năm 2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Đình N kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước theo hướng yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc Đ kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước theo hướng yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L có Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện L theo hướng hủy một phần bản án sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Hồ Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim L; ông Dương Đình N; ông Trần Quốc Đạt giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. V/v yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau vấn đề nào về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của ông T, căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là do ông T, bà L cùng nhau tạo dựng trong thời kỳ chung sống như vợ chồng, chưa làm rõ giá trị công sức đóng góp của mỗi bên trong việc hình thành, duy trì và làm tăng giá trị tài sản tranh chấp, chưa làm rõ sự khác nhau giữa diện tích thực tế và diện tích đất theo sổ cũng như chưa làm rõ tính pháp lý của phần diện tích tăng thêm để làm cơ sở vững chắc cho việc giải quyết vụ án, những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật TTDS 2015,

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L và kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim L; ông Dương Đình N; ông Trần Quốc Đạt.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí và các chi phí tụng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; bà Trần Kim L; ông Dương Đình N; ông Trần Quốc Đạt và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L làm trong thời gian luật định, phù hợp với các Điều 272, 273, 279 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L và của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim L; ông Dương Đình N; ông Trần Quốc Đạt và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T xác định sống chung với bà L từ năm 1980 và tại biên bản lấy lời khai của bà L, bà L xác định sống chung với ông T từ năm 1977 và tại đơn yêu cầu phản tố bà L xác định sống chung với ông T từ năm 1981. Ông T và bà L đều xác định trước khi chung sống với nhau thì bà L đã có chồng tên Trần Đình Th nhưng không có đăng ký kết hôn và giữa bà L và ông Th đã có 02 người con tên Trần Kim L, sinh năm 1972 và Trần Quốc Đ, sinh năm 1975. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Th là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Đến năm 1981 bà L sống chung với ông T, trong quá trình sống chung giữa bà L và ông T có với nhau 02 người con chung tên Dương Đình N, sinh năm 1982 và Dương Hồng T, sinh năm 1983. Do đó, cần xác định ông T và bà L sống chung với nhau như vợ chồng là phù hợp. Mặt khác, trước khi ông T và bà L sống chung như vợ chồng thì giữa bà L và ông Th, giữa ông T và bà Trần Thị T chưa ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L là trái quy định pháp luật, do đó cần chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L.

Về tài sản chung: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và do các bên thừa nhận. Tài sản là quyền sử dụng đất, thửa đất có diện tích 8.912m² tọa lạc tại ấp B (nay là ấp A), xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09/QSDD/137/QĐUB ngày 04/4/2001 mang tên hộ ông Dương Đình T). Đất hiện nay có vị trí, số liệu và hình thể như mảnh trích đo địa chính số 107 ngày 22/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa cấp sơ thẩm chưa xác minh đầy đủ phần đất khai phá ở vị trí nào của thửa đất, diện tích và hình thể trước, trong và sau thời điểm nhận chuyển nhượng để làm căn cứ xác định nguồn gốc đất có hay không có việc khai phá thêm, chưa tiến hành xác minh việc Nhà nước thu hồi một phần đất để làm đường đi nhằm làm rõ thêm đất là do ai tạo lập để xem xét công sức đóng góp của các bên và chưa làm rõ vì sao lại có phần diện tích tăng thêm 120m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQDDĐ) số 09/QSDD/137/QĐ-UB cấp cho hộ ông Dương Đình T. Tòa cấp sơ thẩm không đưa ông Hồ Trọng Trung vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để làm rõ việc ông Trung có

cùng khai phá làm tăng thêm diện tích đất đang tranh chấp hay không. Tòa sơ thẩm cần xác minh thu thập chứng cứ xác định rõ tài sản đang tranh chấp của bà L có trước hay sau này chung sống với ông T. Từ đó xác định rõ tài sản chung, riêng, hay công sức đóng góp xem xét công sức đóng góp của ông Trung, bà L, ông Đ trong khối tài sản tranh chấp. Thiếu sót này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vì vậy, việc kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ những phân tích trên xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và đánh giá chứng cứ không khách quan làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Cần hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

[3] Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim L, ông Trần Quốc Đ, ông Dương Đình N phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí: Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà Hồ Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim L, ông Trần Quốc Đ, ông Dương Đình N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hồ Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim L, ông Trần Quốc Đ, ông Dương Đình N và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Hủy toàn bộ Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí sơ thẩm và các chi phí khác sẽ được xem xét khi vụ án được thụ lý giải quyết lại.

3. Án phí phúc thẩm:

- Bà Hồ Thị L không phải chịu án phí phúc thẩm Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước hoàn trả 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền

án phí phúc thẩm cho bà Hồ Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 019583 ngày 16/3/2021.

- Bà Trần Kim L không phải chịu án phí phúc thẩm Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước hoàn trả 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí phúc thẩm cho bà Trần Kim L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 019582 ngày 16/3/2021.

- Ông Trần Quốc Đ không phải chịu án phí phúc thẩm Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước hoàn trả 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí phúc thẩm cho ông Trần Quốc Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 019615 ngày 16/3/2021.

- Ông Dương Đình N không phải chịu án phí phúc thẩm Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước hoàn trả 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí phúc thẩm cho ông Dương Đình N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 019614 ngày 16/3/2021.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L ;
- Chi cục THADS huyện L ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thư